TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **297**/2021/HS-ST
Ngày: 27/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyến**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Quang Khải**

2. Ông **Nguyễn Đăng Hùng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên toà***: Ông **Trần Hồng Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 292/2021/TL-HSST ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Và A P -** Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Và Nhìa S và Con bà: Sùng Thị H; Từ năm 2014 đến nay, bị cáo chung sống như vợ chồng với Vừ Thị S, sinh năm 1998, Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, không có đăng ký kết hôn; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2021 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Lò Thị X -** Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Tr tỉnh Điện Biên (Có mặt).

***** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên**.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Hải B** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông **Chu Văn B**- Trưởng phòng NN&PTNT huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

** Nguyên đơn dân sự:* **Ủy ban nhân dân xã Pom Lót, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.**

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc H** - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật: Ông **Lò Văn V** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

** Người có nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Vừ Thị S** - Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Anh **Và A S1** - Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

3. Ông **Hà Văn N** - Kiểm lâm địa bàn Ủy ban nhân dân xã P (nay là Kiểm lâm địa bàn xã P1), huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

** Người làm chứng:* Ông **Và A T** - Trưởng bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Và A P đã được tham gia vào các buổi phổ biến, tuyên truyền pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ rừng tại thôn bản, gia đình P cũng đã ký cam kết về quản lý, bảo vệ rừng. Ngày 27/02/2021, P bảo Vừ Thị S: Ngày mai đi làm nương, Sua hỏi P: Làm nương ở đâu, mặc dù P biết khu rừng dự định chặt phá đã được Nhà nước quy hoạch là rừng phòng hộ nhưng P vẫn trả lời: Làm nương cũ của gia đình ở khu vực "Phua Tu" (Tức bản N, xã P, huyện Đ), S đồng ý. Khoảng 07 giờ ngày 28/02/2021, P mang theo 02 con dao quắm có cán bằng gỗ rồi cùng Vừ Thị S đi bộ từ nhà đến khu rừng thuộc tiểu khu 747, khoảnh 9 thuộc bản N, xã P, huyện Đ. Khi đến nơi, P, S mỗi người sử dụng 01 dao quắm để chặt phá cây trong rừng theo hướng từ dưới chân rừng lên trên đỉnh, cả hai chặt phá từ ngày 28/02/2021 đến ngày 02/3/2021 thì P nhận thấy diện tích rừng cần chặt để làm nương còn nhiều nên P đã thuê Và A S1, sinh năm 1992, trú tại bản H, xã N, huyện Đ, cùng đi chặt phát cây với giá 150.000 đồng/ngày. Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 03/3/2021, khi P, S, S1 đang có hành vi dùng dao quắm phá rừng thì bị tổ công tác UBND xã P và kiểm lâm địa bàn phát hiện, yêu cầu các đối tượng dừng ngay hành vi vi phạm. Qua kiểm tra hiện trường rừng bị chặt phá, xác định: Diện tích rừng

bị chặt phá là 6.550m2, được quy hoạch là rừng phòng hộ theo quyết định số 1208 ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện biên đến năm 2025 định hướng đến năm 2030; loài cây bị chặt phá chủ yếu là cây Giẻ, cây Vối thuốc, Đào rừng, Ba bét. Trạng thái rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt, mức thiệt hại cây: 100%; tổng thiệt hại tài sản trên diện tích bị chặt phá là 13.102.500 đồng (không xác định được giá trị thiệt hại về môi trường). Căn cứ kế hoạch 388/KH-UBND ngày 20/02/2013 của UBND tỉnh Điện Biên thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá chưa được giao đất, giao rừng mà do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xử lý hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật; bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "***Hủy hoại rừng***" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐG ngày 31/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Điện Biên xác định (BL số 302, 303): Khối lượng gỗ tròn các loại, thuộc nhóm VI đến nhóm VIII: 5,502 m^3 có giá trị: 8.253.000 đồng; Củi tận thu: 6,318 Ster có giá trị 1.579.500 đồng; Cây gỗ có đường kính gốc <8cm: 327 cây có giá trị 3.270.000 đồng. Tổng cộng: **13.102.500 đồng** (*Mười ba triệu, một trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng*). Giá trị thiệt hại về môi trường, diện tích thiệt hại 6.550 m^2. Hội đồng định giá không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá trên của của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Điện Biên.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 01/9/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã chuyển vật chứng của vụ án sang cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên gồm: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 91 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 82,5 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 65 cm là vật chứng của vụ án.

Bản cáo trạng số: 239/CT-VKS-HĐB ngày 01/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Và A P về tội: "*Hủy hoại rừng*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 92 Luật

thi hành án hình sự xử phạt bị cáo Và A P với mức hình phạt từ **30** đến **36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng** về tội Hủy hoại rừng**.** Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Và A P.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Và A P phải bồi thường cho Nhà nước số tiền còn lại là: 8.102.500 đồng.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có tổng chiều dài 91 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 82,5 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 65 cm.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì cá nhân bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại luận cứ bào chữa cho bị cáo Và A P ngày 27/8/2021 bà Lò Thị X đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có thời gian tiếp tục khắc phục hậu quả, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bởi vì: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sinh sống đều phụ thuộc vào nương rẫy, trình độ văn hóa thấp do đó nhận thức pháp luật hạn chế, bản thân P chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng pháp luật, ngoài ra bị cáo còn là lao động chính của gia đình.

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 8.102.500 đồng cho Nhà nước. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không bổ sung lời bào chữa.

Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2021 đến ngày 03/3/2021, tại khu rừng phòng hộ thuộc tiểu khu 747, khoảnh 9, địa phận bản N, xã P, huyện Đ, Và A P có hành vi sử dụng dao quắm chặt phá trái phép 6.550 m^2 rừng, gây thiệt hại tài sản trên diện tích bị chặt phá là 13.102.500 đồng, với mục đích để lấy đất làm nương.

Vì vậy hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2)".

Hành vi trên của Và A P được chứng minh tại: Biên bản đo đếm diện tích, biên bản làm việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản tính toán trữ lượng rừng bị thiệt hại, kết luận định giá, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, bản tự khai của bị can và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra tiến hành thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Và A P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Và A P về tội: "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi dùng dao quắm chặt, phá rừng của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, bởi nó đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ môi trường, chế độ bảo vệ và phát triển rừng (tài nguyên rừng), gây thiệt hại rất lớn đến môi trường sinh thái, làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra và xâm phạm đến tài sản của Nhà nước. Vì vậy, việc truy tố, xét xử và áp dụng mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[**3**] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, không có tiền án, tiền sự. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội là do bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, muốn có đất để làm nương nên đã chặt phá rừng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả (bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng), nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội cần áp dụng quy định tại các khoản 1, 2 điều 65 Bộ Luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là đủ sức răn đe và cải tạo đối với bị cáo đồng thời giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án, đó cũng là thể hiện sự khoan hồng của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta đối với người phạm tội và phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt từ **30** đến **36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng** về tội Hủy hoại rừng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất , không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo bởi sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại khắc phục một phần hậu quả và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Xét đề nghị của người bào chữa là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Và A P phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 13.102.500 đồng, đã bồi thường được 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp 8.102.500 đồng. Đối với thiệt hại về môi trường, Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở để xác định về thiệt hại môi trường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có tổng chiều dài 91 cm; 01 con dao quắm

có tổng chiều dài 82 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 65 cm là vật chứng của vụ án.

[6] Đối với UBND xã P và kiểm lâm địa bàn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn, quá trình điều tra xét thấy các cán bộ được phân công nhiệm vụ đã thực hiện hết chức trách nhiệm vụ được giao, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo. Đối với Vừ Thị S, Và A S1 là những người cùng thực hiện hành vi chặt phá rừng với P nhưng không biết khu rừng trên đã được Nhà nước quy hoạch là rừng phòng hộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý đối với những người này.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy cá nhân bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào nương rẫy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Điện Biên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm nhưng do cá nhân bị cáo thuộc hộ cận nghèo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Và A P phạm tội: "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Và A P ***02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo***, thời gian thử thách là **05** (*Năm)* **năm,** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/9/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Na Ư, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

* Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 01/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Và A P.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có tổng chiều dài 91 cm, phần lưỡi dao làm bằng thép dài 26 cm, phần chuôi dao bằng thép dài 10 cm, phần cán dao bằng gỗ dài 55cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 82,5 cm, phần lưỡi dao làm bằng thép dài 28 cm, phần chuôi dao bằng thép dài 10,5 cm, phần cán dao bằng gỗ dài 43,5 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 65 cm, phần lưỡi dao làm bằng thép dài 24 cm; phần chuôi dao bằng thép dài 9,5 cm, phần cán dao bằng gỗ dài 31,5 cm là vật chứng của vụ án.

Vật chứng đã được Công an huyện Điện Biên bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/9/2021 giữa Công an huyện Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Và A P phải có trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước số tiền là: 13.102.500 đồng (*Mười ba triệu, một trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng*) để nộp Ngân sách Nhà Nước, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 5.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số: AA/2020/0000123 ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên). Buộc bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Nhà nước số tiền còn lại là: 8.102.500 đồng (*Tám triệu, một trăm linh hai nghìn, năm trăm đồng*).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường cho Nhà nước, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát huyện ĐB;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- HSNV Công an huyện ĐB;
- CQĐT Công an huyện ĐB;
- Nhà tạm giữ Công an huyện ĐB;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã Na Ư huyện ĐB;
- Chi cục Thi hành án DSHĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyến